

Dự thảo ngày
18.8.2024

NGHỊ ĐỊNH**Quy định về Y tế xã, phường, thị trấn**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Phòng chống bệnh truyền nhiễm ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế ngày 14 tháng 11 năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế ngày 13 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh sửa đổi ngày 09 tháng 01 năm 2023;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Y tế,

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về Y tế xã, phường, thị trấn.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, các điều kiện bảo đảm hoạt động và nhân lực của Y tế xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là Y tế xã).

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. “Phân vùng Y tế xã”: là việc trên cơ sở phân loại đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn; căn cứ địa giới hành chính, khả năng tiếp cận của người dân tới cơ sở y tế thì phân vùng Y tế xã thành 03 vùng như sau:

a) Y tế xã vùng 1 gồm:

- Xã vùng đồng bằng, trung du có khoảng cách từ Trạm y tế đến Bệnh viện, Trung tâm y tế hoặc Phòng khám đa khoa khu vực gần nhất < 3 km (Nếu Trạm y tế xã lồng ghép với Phòng khám đa khoa khu vực thì tính khoảng cách từ Trạm y tế xã tới Bệnh viện, Trung tâm y tế gần nhất).

- Xã có điều kiện địa lý, giao thông thuận lợi, người dân dễ dàng tiếp cận đến Trạm y tế xã, Bệnh viện, Trung tâm y tế và Phòng khám đa khoa khu vực.

- Phường, thị trấn khu vực đô thị.

b) Y tế xã vùng 2 gồm:

- Xã vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo có khoảng cách từ Trạm y tế đến Bệnh viện, Trung tâm y tế hoặc Phòng khám đa khoa khu vực gần nhất từ 3 đến < 5 km (nếu có địa hình đặc biệt khó khăn, < 3 km).

- Xã vùng đồng bằng, trung du có khoảng cách từ Trạm y tế đến Bệnh viện, Trung tâm y tế hoặc Phòng khám đa khoa khu vực gần nhất từ 3 đến < 15 km.

- Xã có điều kiện địa lý, giao thông bình thường, người dân có thể tiếp cận đến Trạm y tế xã, Bệnh viện, Trung tâm y tế và Phòng khám đa khoa khu vực.

c) Y tế xã vùng 3 gồm:

- Xã vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo có khoảng cách từ Trạm y tế đến Bệnh viện, Trung tâm y tế hoặc Phòng khám đa khoa khu vực gần nhất từ 5 km trở lên (nếu có địa hình đặc biệt khó khăn, từ 3 km trở lên).

- Xã vùng đồng bằng, trung du có khoảng cách từ Trạm y tế đến Bệnh viện, Trung tâm y tế hoặc Phòng khám đa khoa khu vực gần nhất từ 15 km trở lên.

- Xã có điều kiện địa lý, giao thông khó khăn, người dân khó tiếp cận đến Trạm y tế xã, Bệnh viện, Trung tâm y tế và Phòng khám đa khoa khu vực.

2. “*Quy mô dân số của xã, phường, thị trấn*”: là số người sống trong xã, phường, thị trấn thời điểm nhất định.

3. “*Phân trạm y tế xã*”: là đơn vị y tế trực thuộc Trạm y tế xã được bố trí tại những địa bàn tại Y tế vùng 3 nơi điều kiện địa lý, giao thông khó khăn, người dân khó tiếp cận đến Trạm y tế.

Điều 3. Tổ chức của Y tế xã

1. Tổ chức Y tế xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Trạm Y tế xã) là đơn vị y tế thuộc Trung tâm Y tế huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Trung tâm Y tế huyện), được thành lập theo đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là xã).

2. Đối với xã có quy mô dân số từ 25.000 dân trở lên hoặc có địa hình giao thông đi lại khó khăn hoặc địa bàn xã quá rộng; cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định thành lập phân trạm y tế xã và đảm bảo các điều kiện để phân trạm y tế xã hoạt động theo quy định hiện hành.

3. Đối với xã có quy mô dân số trên 50.000 dân; cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định thành lập thêm Trạm y tế xã đảm bảo năng lực cung ứng và tiếp cận dịch vụ y tế của người dân trên địa bàn.

4. Trong trường hợp có dịch bệnh lớn xảy ra; cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định thành lập Trạm y tế xã lưu động.

Điều 4. Chức năng, nhiệm vụ của Trạm y tế xã

1. Trạm Y tế xã có chức năng cung cấp, thực hiện các dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân trên địa bàn xã.

2. Trạm Y tế xã có nhiệm vụ:

a) Thực hiện các hoạt động chuyên môn, kỹ thuật về: Y tế dự phòng; quản lý toàn diện sức khỏe cá nhân trên địa bàn; quản lý, điều trị bệnh không lây nhiễm, bệnh mạn tính, dinh dưỡng cộng đồng; thực hiện khám bệnh, chữa bệnh theo mô hình y học gia đình; kết hợp y học cổ truyền và y học hiện đại trong chữa bệnh và phòng bệnh; chăm sóc sức khỏe sinh sản; công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình; cung ứng thuốc thiết yếu; truyền thông giáo dục sức khỏe theo hướng dẫn của cơ quan quản lý cấp trên và quy định của pháp luật;

b) Hướng dẫn về chuyên môn và hoạt động đối với đội ngũ nhân viên y tế thôn, bản; cô đỡ thôn, bản;

c) Phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện công tác kết hợp quân y và dân y; y tế trường học trên địa bàn;

d) Tham gia kiểm tra các hoạt động hành nghề y, dược tư nhân và các dịch vụ có nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe nhân dân trên địa bàn;

đ) Là đơn vị thường trực Ban Chăm sóc sức khỏe cấp xã về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trên địa bàn;

e) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Giám đốc Trung tâm Y tế huyện và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã giao.

Điều 5. Điều kiện bảo đảm hoạt động của Y tế xã

1. Trạm y tế xã có trụ sở riêng, cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuốc, kinh phí và các điều kiện bảo đảm, đáp ứng đủ cho việc thực hiện các nhiệm vụ được quy định tại Khoản 2 Điều 4 Nghị định này.

2. Với Trạm y tế xã có phân trạm y tế phải bố trí cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuốc, kinh phí và các điều kiện bảo đảm, đáp ứng việc thực hiện nhiệm vụ do Trạm y tế xã giao cho phân trạm y tế.

Điều 6. Nhân lực của Y tế xã

1. Người làm việc tại Trạm y tế xã là viên chức.

2. Số lượng người làm việc tại Trạm y tế xã nằm trong tổng số người làm việc của Trung tâm y tế huyện được xác định theo vị trí việc làm trên cơ sở khối

lượng công việc phù hợp với nhu cầu và điều kiện thực tế ở địa phương theo vùng miền và định mức nhân lực, cụ thể như sau:

a) Định mức số lượng người làm việc của Trạm y tế là 05 người làm việc/Trạm y tế xã;

b) Hệ số điều chỉnh số lượng người làm việc của Trạm y tế xã như sau:

- Điều chỉnh theo quy mô dân số:

+ Đối với Trạm y tế xã ở vùng 1 và vùng 2 có quy mô trên 6.000 dân, nếu tăng từ 2.000 đến 3.000 dân thì tăng thêm 01 người làm việc.

+ Đối với Trạm y tế xã ở vùng 3 có quy mô dân số trên 5.000 dân, nếu tăng 1.000 dân thì tăng thêm 01 người làm việc.

- Điều chỉnh theo vùng địa lý:

+ Đối với Trạm y tế xã vùng 2 được tăng thêm với hệ số 1,2.

+ Đối với Trạm y tế xã vùng 3 được tăng thêm với hệ số 1,3;

c) Số lượng người làm việc tại phân Trạm y tế xã nằm trong số lượng người làm việc tại Trạm y tế xã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

3. Việc ký kết hợp đồng của người làm việc tại Trạm Y tế xã thực hiện theo quy định của Luật Viên chức và các văn bản quy định chi tiết hướng dẫn thực hiện Luật Viên chức;

4. Bộ Y tế đầu mối phối hợp với Bộ Nội vụ kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện quy định về ký kết hợp đồng của người làm việc tại Trạm Y tế xã theo quy định tại Khoản 3 Điều 6 Nghị định này.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025.

2. Nghị định số 117/2014/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực.

Điều 8. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ Y tế có trách nhiệm:

a) Xây dựng hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ của Trạm Y tế xã;

b) Xây dựng hướng dẫn việc thành lập Trạm y tế lưu động khi có dịch bệnh lớn xảy ra theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị định này.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

a) Triển khai thực hiện Nghị định này;

b) Chỉ đạo Sở Y tế phối hợp với Sở Nội vụ và các Sở, ngành liên quan xem xét, phân vùng Trạm y tế xã theo khoản 1 Điều 2 Nghị định này; đồng thời xem xét, quyết định việc thực hiện khoản 2, 3 Điều 3 Nghị định này;

c) Chỉ đạo Sở Y tế phối hợp với các Sở, ngành liên quan hướng dẫn Trung tâm Y tế huyện thực hiện ký kết hợp đồng lao động đối với người làm việc tại Trạm Y tế xã theo quy định của Luật Viên chức và các văn bản quy định chi tiết hướng dẫn thực hiện Luật Viên chức;

d) Bố trí kinh phí thực hiện đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, kinh phí phục vụ cho hoạt động của Trạm Y tế xã, phân Trạm y tế xã theo quy định của pháp luật;

đ) Chỉ đạo việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý người làm việc tại Trạm Y tế xã theo phân cấp, bảo đảm cơ cấu theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp phù hợp với nhu cầu của vùng, miền và quy hoạch phát triển của địa phương;

e) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện phối hợp với Sở Y tế tăng cường công tác y tế trên địa bàn, chú trọng về phòng, chống dịch bệnh của các đơn vị y tế, trong đó có Trạm Y tế xã.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (2b).

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Phạm Minh Chính

